

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **186/2026/DS-ST**

Ngày: 30-3-2026

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ảnh

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**. Trụ sở: **H L, phường L, quận Đ, Tp Hà Nội**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Văn T**, ông **Lê Hoàng L**, ông **Nguyễn Văn C**, bà **Lê Thị Thảo N**, ông **Nguyễn Văn L1**, cùng địa chỉ liên hệ: **Tầng D, A P, quận H, Tp Đà Nẵng**. Ông **Nguyễn Văn L1** có mặt.

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Thanh H**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: **K H, phường H, TP .** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; biên bản hòa giải, văn bản trình bày ý kiến, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn L1 trình bày:**

Ngày 14/12/2022, bà **Võ Thị Thanh H** ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** Hợp đồng cho vay số LD2234800665. Nội dung như sau:

- Số tiền cho vay: 58,700,000 đồng (Bằng chữ: Năm Mươi Tám Triệu Bảy Trăm Nghìn đồng);
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân;

- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 57.5%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Ngày vi phạm hợp đồng: 05/12/2024.

Ngày 13/12/2023, bà **Võ Thị Thanh H** tiếp tục ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** Hợp đồng cho vay số LD2334701347. Nội dung như sau:

- Số tiền cho vay: 18,700,000 đồng (Bằng chữ: Mười Tám Triệu Bảy Trăm Nghìn đồng);
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 59%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Ngày vi phạm hợp đồng: 03/01/2025.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà **H** đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền: 69.385.967 Đồng đối với Hợp đồng số LD2234800665; 11.653.343 Đồng đối với Hợp đồng số LD2334701347.

Bà **H** vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù **V1** đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bà **H** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay **Ngân hàng V1** kính đề nghị Quý Tòa buộc bà **Võ Thị Thanh H** phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với **V1**, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là:

STT	Số hợp đồng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng dư nợ
1	LD2234800665	50.231.580	28.292.861	28.343.283	106.867.724
2	LD2334701347	17.637.710	10.187.434	7.242.121	35.067.265
3	Tổng	141.934.989			

V1 được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế bà **Võ Thị Thanh H** thanh toán hết nợ cho **V1**.

Đối với bị đơn bà Võ Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa. Theo biên bản hòa giải, bản tự khai, bà Võ Thị Thanh H trình bày: Tôi thống nhất quá trình vay nợ của tại Ngân hàng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Trong quá trình vay tôi đã trả được cho Ngân hàng số tiền: 69.385.967 Đồng đối với Hợp đồng số LD2234800665; 11.653.343 Đồng đối với Hợp đồng số LD2334701347.

Nay Ngân hàng khởi kiện tôi số tiền tính đến ngày 17/11/2025 là 115,986,805 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin Ngân hàng tạo điều kiện để

tôi trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi cho tôi, để tôi có điều kiện tắt toán khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà **Võ Thị Thanh H**, có nơi cư trú tại **K H, phường H, TP .** là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn bà **Võ Thị Thanh H** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 14/12/2022, bà **Võ Thị Thanh H** ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** Hợp đồng cho vay số LD2234800665. Nội dung như sau: Số tiền cho vay: 58,700,000 đồng (Bằng chữ: Năm Mười Tám Triệu Bảy Trăm Nghìn đồng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 57.5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Ngày vi phạm hợp đồng: 05/12/2024. Ngày 13/12/2023, bà **Võ Thị Thanh H** tiếp tục ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** Hợp đồng cho vay số LD2334701347. Nội dung như sau: Số tiền cho vay: 18,700,000 đồng (Bằng chữ: Mười Tám Triệu Bảy Trăm Nghìn đồng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 59%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Ngày vi phạm hợp đồng: 03/01/2025. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà **H** đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền: 69.385.967 Đồng đối với Hợp đồng số LD2234800665; 11.653.343 Đồng đối với Hợp đồng số LD2334701347. Bà **H** vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bà **H** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu Tòa án buộc bà **Võ Thị Thanh H** phải trả cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 141.934.989 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 67.869.290 đồng, **N1** lãi trong hạn: 38.480.295 đồng; Nợ lãi quá hạn: 35.585.404 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại

Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà **Võ Thị Thanh H** phải chịu 7.096.749 đồng (Bảy triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, bảy trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho **Ngân Hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.472.199 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0003061 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thị hành **án dân sự T1**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 299, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân Hàng TMCP V** đối với bà **Võ Thị Thanh H** về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc bà **Võ Thị Thanh H** phải trả cho **Ngân Hàng TMCP V** với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 141.934.989 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 67.869.290 đồng, **N1** lãi trong hạn: 38.480.295 đồng; Nợ lãi quá hạn: 35.585.404 đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bà **Võ Thị Thanh H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà **Võ Thị Thanh H** phải chịu 7.096.749 đồng (Bảy triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, bảy trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân Hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.472.199 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0003061 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thị hành **án dân sự T1**.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;

- Lưu Hồ sơ vụ án.

Đặng Ngọc Hưng